

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày 09-01-2023

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung và
Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Loan.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Trần Thị Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Lương Byă - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 557/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2022/QĐST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Trọng T, sinh năm 1953; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Trọng V, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Bà Trần Đặng Miên T1, sinh năm 1985 - Là Luật sư thuật Công ty Luật TNHH MTV Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1./ Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2./ Bà Huỳnh Thị Thu V2, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3./ Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4./ Bà Huỳnh Thị Thu L1, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5./ Bà Huỳnh Thị H6, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã N1, huyện C2, tỉnh Hải Dương.

6./ Ông Huỳnh Trọng Y, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7./ Bà Huỳnh Thị H1, năm 1990; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8./ Bà Huỳnh Lưu Phương T2, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9./ Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1930; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

10./ Bà Lưu Thị Ánh H2, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

11./ Bà Trần Thị C, sinh năm 1962; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

12./ Bà Phan Thị H3, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 383/11 C1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

13./ Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

14./ Bà Nguyễn Thị Mỹ N2, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

15./ Ông Lê Văn L3, sinh năm 1965; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

16./ Ông Huỳnh Thanh H5, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Võ Đình D, sinh năm 1975; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 207, đường N3, Phường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền Nguyên đơn ông Võ Đình D trình bày:

Ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4 là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1973, quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 09 người con gồm: bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông T và bà L4 tạo lập được các tài sản sau:

- Thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405,8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4. Lô đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông T, bà L4 nhận chuyển nhượng của ông Hoàng P vào năm 1974.

- Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T. Lô đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông T, bà L4 khai hoang.

- Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T. Lô đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông T, bà L4 nhận chuyển nhượng của ông Văn M1 năm 1987.

- Thừa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T. Lô đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông T, bà L4 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn M2 năm 1989.

Địa chỉ các thửa đất trên đều tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đối với các tài sản này do vợ chồng ông T, bà L4 tạo lập được. Tại thời điểm đó, các con của ông bà còn nhỏ nên không có công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản chung.

Bà Lưu Thị L4 chết vào ngày 13/3/2019 do bị bệnh, trước khi chết bà L4 không để lại di chúc. Trước khi chết, bà Lưu Thị L4 không có vay nợ gì của ai.

Bố bà Lưu Thị L4 là ông Lưu V1, sinh năm 1929, mất năm 1981; Mẹ bà Lưu Thị L4 là bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1930, hiện nay bà L2 còn sống.

Hiện nay ông Huỳnh Trọng T là người đang quản lý khối tài sản trên.

Nguyên vọng của ông Huỳnh Trọng T là đề nghị Tòa án giải quyết: Do khối tài sản trên là do vợ chồng tạo lập ra nên ông đề nghị Tòa án giải quyết chia cho ông 1/2 tài sản và chia thừa kế của bà Lưu Thị L4 theo quy định pháp luật cho 11 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng một phần như nhau theo quy định pháp luật. Hơn nữa, ông T là người trực tiếp quản lý khối tài sản nói trên nên ông T có nguyện vọng xin được nhận hiện vật và thanh toán bằng giá trị (bằng tiền) cho các đồng thừa kế.

Đối với các chi phí liên quan đến chữa bệnh, chi phí mai táng: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Trọng V trình bày: Ông V xác định trong quá trình chung sống bố mẹ ông sinh được 09 người con gồm: bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, ông Huỳnh Trọng V (tôi), bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2.

Quá trình chung sống, ông T, bà L4 tạo lập được các tài sản sau:

- Thừa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405,8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4.

- Thừa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T.

- Thừa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T.

- Thừa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với

đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T.

Địa chỉ các thửa đất trên đều tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Ngày 13/3/2019, bà Lưu Thị L4 chết không để lại di chúc.

Ông ngoại của Ông V là ông Lưu V1, sinh năm 1929, mất năm 1981; bà ngoại của Ông V là bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1930, hiện nay bà L2 còn sống.

Hiện nay ông Huỳnh Trọng T là người đang quản lý khối tài sản trên.

Đối với yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật của ông Huỳnh Trọng T đối với các tài sản nói trên, Ông V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, chia đều phần di sản của bà L4 để lại cho các đồng thừa kế. Ông V có nguyện vọng xin nhận giá trị tài sản bằng tiền mặt là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng).

*** Với tư cách là Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, bà Huỳnh Thị L2: Ông Võ Đình D trình bày:**

Bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, bà Huỳnh Thị L2 xác định ý kiến trình bày của Nguyên đơn là hoàn toàn đúng sự thật về quá trình chung sống, sinh con và tạo lập tài sản của ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4.

Nay bà Lưu Thị L4 chết không để lại di chúc thì bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, bà Huỳnh Thị L2 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

Bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, bà Huỳnh Thị L2 chấp nhận giao toàn bộ khối tài sản nói trên cho ông Huỳnh Trọng T và xin được nhận bằng giá trị (bằng tiền) theo kỹ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

Bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, bà Huỳnh Thị L2 xác định không có công sức tạo lập, đóng góp gì đối với khối tài sản nói trên.

*** Với tư cách là Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Ánh H2: Ông Võ Đình D trình bày:** Bà Lưu Thị Ánh H2 là vợ của ông Huỳnh Trọng Y. Bà H2 sống chung trong nhà với chồng là ông Huỳnh Trọng Y, bố chồng là Huỳnh Trọng T. Việc ông Huỳnh Trọng T khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản của bà Lưu Thị L4, bà H2 không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà H2 không có công sức tôn tạo, đóng góp gì trong phần tài sản nói trên.

*** Với tư cách là Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C, bà Quách Thị H3, bà Phạm Thị H4, bà Nguyễn Thị Mỹ N2, ông Lê Văn L3, ông Huỳnh Thanh H5: Ông Võ Đình D trình bày**

Những người này hiện nay đang thuê ki-ốt tại phần đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 52, diện tích 1.633m²; Địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB706808 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016 cho hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4.

Ông Huỳnh Trọng T là người trực tiếp cho những người này thuê nhà. Tại thời điểm thuê nhà, bà Trần Thị C, bà Phan Thị H3, bà Phạm Thị H4, bà Nguyễn Thị Mỹ N2, ông Lê Văn L3, ông Huỳnh Thanh H5 và ông Huỳnh Trọng T không lập Hợp đồng thuê nhà. Trong thời gian thuê nhà, những người này không xây dựng thêm công trình gì trên phần đã thuê.

Trong vụ án này, bà Trần Thị C, bà Phan Thị H3, bà Phạm Thị H4, bà Nguyễn Thị Mỹ N2, ông Lê Văn L3, ông Huỳnh Thanh H5 không có ý kiến gì, không có yêu cầu độc lập và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

- Ngoài ra, các bên đương sự không trình bày gì thêm.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, ngày 27/4/2022; Kết quả đo đạc ngày 22/7/2022 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, ngày 02/8/2022: Xác định ranh giới, mốc giới, diện tích các thửa đất đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 02/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Buôn Ma Thuột đã căn cứ vào Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 về việc: “Ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc: “Ban hành quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi”; Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc: “Ban hành về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”; Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc: “Ban hành bảng giá và quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024” và khảo sát giá đất chuyển nhượng trên thị trường trong khu vực tại thời điểm định giá:

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất đối với 04 lô đất nói trên theo giá thị trường là 42.962.902.000đ (Bốn mươi hai tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó, phần tài sản do nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T tạo lập sau khi bà Lưu Thị L4 chết gồm 291 cây đinh lăng, 300 cây sầu riêng được trồng năm 2022 trên Thửa đất số 27 (Cũ 241), tờ bản đồ số 18 (cũ 11); 172 cây sầu riêng được trồng năm 2022 trên Thửa đất số 97 (Cũ 217), tờ bản đồ số 18 (Cũ 11): Có tổng giá trị là 170.922.800đ.

Như vậy, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là tài sản chung của ông T, bà L4 có giá theo giá thị trường là 42.791.979.200đ (Bốn mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chia cho ông 1/2 tài sản và chia thừa kế của bà Lưu Thị L4 theo quy định pháp luật cho 11 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng một phần như nhau theo quy

định pháp luật. Hơn nữa, ông T là người trực tiếp quản lý khối tài sản nói trên nên ông T có nguyện vọng xin được nhận hiện vật và thanh toán bằng giá trị (bằng tiền) cho các đồng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn ông Huỳnh Trọng V không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T.

Tài sản chung của ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4 là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại các thửa đất sau:

Thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405,8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4;

Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T;

Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T;

Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T.

Ông Huỳnh Trọng T được hưởng ½ trị giá tài sản nói trên là 21.395.989.600 đồng.

Phân chia di sản thừa kế: Về di sản thừa kế của bà Lưu Thị L4 là ½ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405,8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4; Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T, trị giá 21.395.989.600 đồng.

Chia cho hàng thừa kế của bà Lưu Thị L4 21.395.989.600 đồng /11 người = 1.945.089.964 đồng.

Giao cho ông Huỳnh Trọng T được quyền quản lý, sở hữu Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc Thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405,8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4; Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T. Đất tọa lạc tại xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Huỳnh Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại là ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị L2, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là 1.945.089.964đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng).

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế đối với bị đơn ông Huỳnh Trọng V nên xác định quan hệ giải quyết trong vụ án là “*Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Bị đơn ông Huỳnh Trọng V cư trú tại địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Trọng V, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Trọng V là bà Trần Đặng Miên T1 vắng mặt lần thứ 2, không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều

227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xác định hàng thừa kế của bà Lưu Thị L4:

Căn cứ Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Bà Lưu Thị L4 chết ngày 13/3/2019, nên thời điểm mở thừa kế là ngày 13/3/2019. Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lưu Thị L4 gồm 11 người: ông Huỳnh Trọng T (Chồng); bà Huỳnh Thị L2 (Mẹ ruột); các con ruột của bà Lưu Thị L4: ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2.

[3.2] Xác định di sản thừa kế của bà Lưu Thị L4:

- Căn cứ vào hồ sơ thu thập được tại Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột cung cấp: Xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 912256 tại thửa đất số 278, tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.675m² do UBND thị xã Buôn Ma Thuột (Nay là thành phố Buôn Ma Thuột) cấp ngày 30/11/1993 cho ông Huỳnh Trọng T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 0948198 tại thửa đất số 217, 241, 220, tờ bản đồ số 11 do UBND thị xã B (Nay là thành phố B) cấp ngày 30/01/1994 cho ông Huỳnh Trọng T. Như vậy, đây là tài sản chung của ông T, bà L4 hình thành trong thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình, các thành viên trong hộ gia đình cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh công sức đóng góp hình thành nên khối tài sản này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Trọng T; bà Huỳnh Thị L2; bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2 xác định không có công sức đóng góp trong quá trình tạo lập tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu tòa án xác định công sức đóng góp, quản lý trong khối tài sản chung của ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4. Quá trình giải quyết vụ án, Ông V cũng không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh về công sức đóng góp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định các tài sản này là tài sản chung của ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4 tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

Di sản của bà Lưu Thị L4 để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị đất và tài sản trên đất trong khối tài sản nói trên. Căn cứ Biên bản định giá ngày 02/8/2022, xác định tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo giá thị trường là 42.962.902.000đ (Bốn mươi hai tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó, phần tài sản do nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T tạo lập sau khi bà Lưu Thị L4 chết gồm 291 cây đinh lăng, 300 cây sầu riêng được trồng năm 2022 trên Thửa đất số 27 (Cũ 241), tờ bản đồ số 18 (cũ 11); 172 cây sầu riêng được trồng năm 2022 trên Thửa đất số 97 (Cũ 217), tờ bản đồ số 18 (Cũ 11): Có tổng giá trị là 170.922.800đ.

Như vậy, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là tài sản chung của ông T, bà L4 có giá theo giá thị trường là 42.791.979.200đ (Bốn mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Di sản của bà Lưu Thị L4 để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị đất và tài sản trên đất trong khối tài sản nói trên (21.395.989.600 đồng).

[3.3] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn:*

Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T đề nghị Tòa án giải quyết chia cho ông $\frac{1}{2}$ tài sản và chia thừa kế của bà Lưu Thị L4 theo quy định pháp luật cho 11 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng một phần như nhau theo quy định pháp luật. Hơn nữa, ông T là người trực tiếp quản lý khối tài sản nói trên nên ông T có nguyện vọng xin được nhận hiện vật và thanh toán bằng giá trị (tiền) cho các đồng thừa kế. Theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông T, bà L4 theo giá thị trường là 42.791.979.200đ (Bốn mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng). Ông T yêu cầu chia cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 21.395.989.600đ (Hai mươi một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Phần tài sản $\frac{1}{2}$ còn lại là 21.395.989.600đ (Hai mươi một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm đồng), đề nghị chia đều cho 11 đồng thừa kế gồm: ông Huỳnh Trọng T (Chồng); bà Huỳnh Thị L2 (Mẹ ruột); các con ruột của bà Lưu Thị L4: ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2: Mỗi người hưởng một kỷ phần thừa kế là 1.945.089.964đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định phần di sản thừa kế mà bà Lưu Thị L4 để lại nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng nên ông T có quyền sở hữu đối với $\frac{1}{2}$ khối tài sản nói trên.

Các đồng thừa kế của ông Huỳnh Trọng T thống nhất đề nghị được thanh toán bằng tiền; Ông T xin được nhận hiện vật và chấp nhận thanh toán lại tiền cho các đồng thừa kế khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận thỏa thuận này của các đương sự. Đối với các chi phí liên quan đến chữa bệnh, chi phí mai táng: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà Lưu Thị L4 chết không để lại di chúc, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Lưu Thị L4 được hưởng di sản bằng nhau. Giá trị di sản do bà Lưu Thị L4 để lại là 21.395.989.600 đồng, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 21.395.989.600 đồng chia 11 phần = 1.945.089.964 đồng. Như vậy, ông Huỳnh Trọng T, ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị L2, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 1.945.089.964 đồng.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản và chia thừa kế của bà Lưu Thị L4 theo quy định pháp luật.

Chia và giao cho ông Huỳnh Trọng T được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản

khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405.8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4.

Ông Huỳnh Trọng T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, cấp cho hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, cấp cho ông Huỳnh Trọng T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, cấp cho ông Huỳnh Trọng T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, cấp cho ông Huỳnh Trọng T và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định pháp luật.

- Ông Huỳnh Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị L2, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là 1.945.089.964đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng).

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị C, bà Phan Thị H3, bà Phạm Thị H4, bà Nguyễn Thị Mỹ N2, ông Lê Văn L3, ông Huỳnh Thanh H5: Là những người đang thuê ki ốt trên lô đất tại thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405.8m²: Những người này xác định trong thời gian thuê đất không xây dựng thêm công trình gì trên đất, không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T không yêu cầu công sức trong việc quản lý di sản nên không xem xét, giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản:

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản là 11.842.000đ. Tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T tự nguyện chịu nộp

chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản nên không xem xét.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị L2.

Ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 169, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T.

Về phân chia tài sản chung:

Tài sản chung của ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405.8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4; Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T.

Chia cho ông Huỳnh Trọng T được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất nói trên là 21.395.989.600 đồng.

Phân chia di sản thừa kế:

Về di sản thừa kế của bà Lưu Thị L4 là ½ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405.8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4; Thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T, trị giá 21.395.989.600 đồng.

Về hàng thừa kế của bà Lưu Thị L4 gồm 11 người: ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị L2, ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2.

Được chia bằng tiền cụ thể: Di sản thừa kế của bà Lưu Thị L4 21.395.989.600 đồng : 11 người = 1.945.089.964 đồng.

Giao cho ông Huỳnh Trọng T được quyền quản lý, sở hữu Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 27 (cũ 241); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 7055,2m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 97 (cũ 217); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2352,3m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 13 (cũ 220); tờ bản đồ số 18 (cũ 11); diện tích 2909,5m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, đứng tên ông Huỳnh Trọng T; Thửa đất số 19 (cũ 278); tờ bản đồ số 52 (cũ 10); diện tích 1405,8m²; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, đứng tên hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4.

Ông Huỳnh Trọng T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CB 706808 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2016, cấp cho hộ ông Huỳnh Trọng T và bà Lưu Thị L4; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060033 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, cấp cho ông Huỳnh Trọng T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060034 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, cấp cho ông Huỳnh Trọng T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản khác gắn liền với đất số CP 060035 do sở tài

nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/10/2018, cấp cho ông Huỳnh Trọng T và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định pháp luật.

- Ông Huỳnh Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị L2, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là 1.945.089.964đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Trọng T, bà Huỳnh Thị L2.

Ông Huỳnh Trọng V, bà Huỳnh Thị L2, bà Huỳnh Thị V1, bà Huỳnh Thị Thu V2, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu L1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Trọng Y, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Lưu Phương T2, mỗi người phải nộp 70.352.699đ (Bảy mươi triệu ba trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan